| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 4 - ĐẮK LẮK** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập -Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **88**/2026/DS-ST
Ngày 08 - 9 - 2026
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐẮK LẮK**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Vũ Đình Nam

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Mai Phương và bà Mó Măng.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Hòa Bình – Là Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Thu Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 143/2026/TLST-DS, ngày 27 tháng 3 năm 2026 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2026/QĐXXST- DS, ngày 30 tháng 7 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 89/2026/QĐST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2026, giữa:

*1. Nguyên đơn:* Ông Phạm Hùng T, sinh năm 1955; HKTT: Thôn Đ, xã T (xã Đ, huyện G, tỉnh Hải Dương cũ), thành phố Hải Phòng; địa chỉ: A G, thôn P (Thôn P 9 cũ), xã K, tỉnh Đắk Lắk.

*Người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn:* Ông Lê Thành N, sinh năm 1987; địa chỉ: D L, xã E, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

*2. Bị đơn:* Ông Phan Công Đ, sinh năm 1982 (Đã chết ngày 23/3/2026); địa chỉ trước khi chết: Thôn P (Thôn P, thị trấn P, huyện K cũ), xã K, tỉnh Đắk Lắk.

*- Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Phan Công Đ gồm:* Ông Phan H, sinh năm 1948 (Cha); bà Trần Thị Ngọc A, sinh năm 1954 (Mẹ); bà Lê Thị Y, sinh năm 1986 (Vợ); Cháu Phan Công C, sinh ngày 18/01/2011 và cháu Phan Thị Bích N1, sinh ngày 18/8/2012 (Con).

Cùng địa chỉ: Thôn P (Thôn P, thị trấn P, huyện K cũ), xã K, tỉnh Đắk Lắk (Tất cả đều vắng mặt).

*Người đại diện theo pháp luật của cháu C và cháu N1:* Bà Lê Thị Y, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn P (Thôn P, thị trấn P, huyện K cũ), xã K, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Thành N trình bày:* Do có mối quan hệ

quen biết với nhau từ trước nên vào ngày 27/10/2025, ông Phạm Hùng T đã cho ông Phan Công Đ vay số tiền 355.000.000 đồng. Việc vay tiền được hai bên lập thành Giấy vay tiền cùng ngày, có chữ ký của ông Phan Công Đ. Hai bên thỏa thuận thời hạn vay là 03 tháng, đến ngày 27/01/2026 ông Phan Công Đ có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ số tiền đã vay cho ông Phạm Hùng T, các bên không thỏa thuận về lãi suất. Sau khi hết thời hạn vay, ông Phạm Hùng T nhiều lần yêu cầu ông Phan Công Đ thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng ông Đ không thanh toán mà nhiều lần hứa hẹn sẽ trả sau khi hoàn tất thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và bán một phần đất để lấy tiền trả nợ. Tuy nhiên, ông Đ vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết. Do ông Phan Công Đ không thanh toán khoản tiền đã vay nên ông Phạm Hùng T đã khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk buộc ông Phan Công Đ phải trả số tiền nợ gốc 355.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án xác minh và thu thập tài liệu, chứng cứ xác định ông Phan Công Đ đã chết ngày 23/3/2026 theo Trích lục khai tử số 105/2026, đăng ký ngày 27/3/2026 tại Ủy ban nhân dân xã K, tỉnh Đắk Lắk. Theo kết quả xác minh của Tòa án, hàng thừa kế thứ nhất của ông Phan Công Đ gồm có: Ông Phan H, sinh năm 1948 (cha đẻ); bà Trần Thị Ngọc A, sinh năm 1954 (mẹ đẻ); bà Lê Thị Y, sinh năm 1986 (vợ); Cháu Phan Công C, sinh ngày 18/01/2011 (con); Cháu Phan Thị Bích N1, sinh ngày 18/8/2012 (con). Ngoài những người nêu trên, ông Phan Công Đ không còn người thuộc hàng thừa kế thứ nhất nào khác.

Do bị đơn đã chết nên nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc ông Phan H, bà Trần Thị Ngọc A, bà Lê Thị Y, cháu Phan Công C và cháu Phan Thị Bích N1 (do bà Lê Thị Y là người đại diện theo pháp luật) phải thực hiện nghĩa vụ tài sản do ông Phan Công Đ để lại theo quy định tại Điều 615 Bộ luật Dân sự, thanh toán cho ông Phạm Hùng T số tiền 355.000.000 đồng trong phạm vi di sản do ông Phan Công Đ để lại.

Đối với Kết luận giám định số 1503/KL-KTHS ngày 15/7/2026 của Phòng K Công an tỉnh Đ, nguyên đơn thống nhất với toàn bộ nội dung kết luận giám định và không có ý kiến hoặc yêu cầu gì khác.

*Quá trình giải quyết vụ án, người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Phan Công Đ có bà Lê Thị Y trình bày:* Bà Y là vợ của ông Phan Công Đ, vợ chồng bà có 02 người con gồm cháu Phan Công C, sinh ngày 18/01/2011 và cháu Phan Thị Bích N1, sinh ngày 18/8/2012. Ông Phan Công Đ có cha đẻ tên Phan H, sinh năm 1948 và mẹ đẻ tên Trần Thị Ngọc A, sinh năm 1954. Ngoài những người thân trên thì ông Đ không có cha nuôi, mẹ nuôi hay con nuôi gì. Hiện nay ông Phạm Hùng T đang tiến hành khởi kiện đối với khoản vay 355.000.000 đồng của ông Phan Công Đ theo Giấy vay tiền và cam kết trả nợ ngày 27/10/2025 thì bà Y hoàn toàn không biết đến khoản vay này, bà Y cũng không sử dụng số tiền. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

*Sau khi Tòa án thụ lý yêu cầu khởi kiện thay đổi của nguyên đơn ngày 13/5/2026, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, thông báo về việc tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải,*

*cũng như giấy triệu tập tham gia phiên tòa đối với ông Phan H, bà Trần Thị Ngọc A, bà Lê Thị Y và người đại diện theo pháp luật của cháu Phan Công C, cháu Phan Thị Bích N1. Tuy nhiên, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn đều không có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và đều vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.*

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đắk Lắk phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng: Quá trình xác minh, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán đã thực hiện tương đối tốt quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa HĐXX, Thư ký và nguyên đơn đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật. Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 615 và Điều 651 Bộ luật dân sự, đề nghị HĐXX: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Hùng T; Buộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Phan Công Đ gồm: Ông Phan H (cha), bà Trần Thị Ngọc A (mẹ), bà Lê Thị Y (vợ) và các con là cháu Phan Công C và cháu Phan Thị Bích N1 (do bà Lê Thị Y là người đại diện theo pháp luật) thực hiện nghĩa vụ tài sản do ông Phan Công Đ để lại trong phạm vi di sản của ông Phan Công Đ, thanh toán cho ông Phạm Hùng T số tiền 355.000.000 đồng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các bên đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Phan Công Đ trước khi chết cư trú tại xã K, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi ông Đ chết, Tòa án đã đưa những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Đ tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk theo quy định tại Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông Phan H, bà Trần Thị Ngọc A, bà Lê Thị Y và người đại diện theo pháp luật của cháu Phan Công C, cháu Phan Thị Bích N1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tại phiên tòa xác định: Ngày

27/10/2025, ông Phạm Hùng T và ông Phan Công Đ có lập giấy vay tiền, theo đó ông Phan Công Đ vay của ông Phạm Hùng T số tiền 355.000.000 đồng, thời hạn vay là 03 tháng, đến ngày 27/01/2026 phải thanh toán toàn bộ khoản tiền đã vay; các bên không thỏa thuận về lãi suất. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã giao nộp bản chính Giấy vay tiền ngày 27/10/2025. Để làm rõ tính xác thực của tài liệu này, Tòa án đã trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký của ông Phan Công Đ trên giấy vay tiền.

Tại Kết luận giám định số 1503/KL-KTHS ngày 15/7/2026 của Phòng K Công an tỉnh Đ kết luận chữ ký, chữ viết mang tên Phan Công Đ trên Giấy vay tiền ngày 27/10/2025 là do chính ông Phan Công Đ ký, viết ra. Tại phiên tòa, nguyên đơn thống nhất với kết luận giám định; những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn mặc dù đã được thông báo hợp lệ về kết quả giám định nhưng không có ý kiến phản đối, không yêu cầu giám định lại và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào khác để bác bỏ kết luận giám định. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định giữa ông Phạm Hùng T và ông Phan Công Đ đã xác lập hợp đồng vay tài sản hợp pháp; ông Phan Công Đ còn nợ ông Phạm Hùng T số tiền gốc 355.000.000 đồng. Đến hạn trả nợ, ông Phan Công Đ không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là vi phạm nghĩa vụ của bên vay.

[3] Theo Trích lục khai tử số 105/2026 ngày 27/3/2026 của Ủy ban nhân dân xã K, tỉnh Đắk Lắk, ông Phan Công Đ chết ngày 23/3/2026. Theo kết quả xác minh của Tòa án, hàng thừa kế thứ nhất của ông Phan Công Đ gồm có: ông Phan H (cha), bà Trần Thị Ngọc A (mẹ), bà Lê Thị Y (vợ), cháu Phan Công C và cháu Phan Thị Bích N1 (các con). Ngoài những người này, ông Phan Công Đ không còn người thuộc hàng thừa kế thứ nhất nào khác.

Sau khi ông Phan Công Đ chết, nghĩa vụ trả khoản nợ phát sinh từ hợp đồng vay tài sản không chấm dứt mà được thực hiện theo quy định tại Điều 615 Bộ luật Dân sự. Theo quy định này, những người hưởng thừa kế có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại trong phạm vi di sản mà người chết để lại, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Nguyên đơn không yêu cầu những người kế thừa phải liên đới trả nợ bằng tài sản riêng của mình mà chỉ yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán trong phạm vi di sản do ông Phan Công Đ để lại, nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật và cần được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về lãi suất: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Từ những phân tích nêu trên, HĐXX xét thấy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Hùng T. Buộc những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Phan Công Đ gồm: Ông Phan H, bà Trần Thị Ngọc A, bà Lê Thị Y, cháu Phan Công C và cháu Phan Thị Bích N1 (do bà Lê Thị Y đại diện theo pháp luật) thực hiện nghĩa vụ tài sản do ông Phan Công Đ để lại trong phạm vi di sản thừa kế để thanh toán số tiền 355.000.000 đồng cho ông Phạm Hùng T.

[6] Về chi phí giám định: Chi phí giám định chữ ký, chữ viết là 5.850.000 đồng, nguyên đơn đã nộp tạm ứng. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được

chấp nhận nên ông Phan H, bà Trần Thị Ngọc A, bà Lê Thị Y, cháu Phan Công C và cháu Phan Thị Bích N1 (do bà Lê Thị Y là người đại diện theo pháp luật) có trách nhiệm trả cho ông Phạm Hùng T 5.850.000 đồng (Năm triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng) tiền chi phí giám định, trong phạm vi di sản do ông Phan Công Đ để lại.

[7] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Phan H, bà Trần Thị Ngọc A, bà Lê Thị Y, cháu Phan Công C và cháu Phan Thị Bích N1 (do bà Lê Thị Y là người đại diện theo pháp luật) phải chịu 17.750.000 đồng (Mười bảy triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, trong phạm vi di sản do ông Phan Công Đ để lại.

[8] Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk tại phiên tòa là có căn cứ và đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 161, Điều 162, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 463, 466, 468, 615 và Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Hùng T.

Buộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Phan Công Đ gồm: Ông Phan H (cha), bà Trần Thị Ngọc A (mẹ), bà Lê Thị Y (vợ) và các con là cháu Phan Công C và cháu Phan Thị Bích N1 (do bà Lê Thị Y là người đại diện theo pháp luật) thực hiện nghĩa vụ tài sản do ông Phan Công Đ để lại trong phạm vi di sản của ông Phan Công Đ, thanh toán cho ông Phạm Hùng T số tiền 355.000.000 đồng.

*Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015*.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Phan H, bà Trần Thị Ngọc A, bà Lê Thị Y, cháu Phan Công C và cháu Phan Thị Bích N1 (do bà Lê Thị Y là người đại diện theo pháp luật) hoàn trả cho ông Phạm Hùng T số tiền 5.850.000 đồng (Năm triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng) tiền chi phí giám định, trong phạm vi di sản do ông Phan Công Đ để lại.

3. Về án phí: Buộc ông Phan H, bà Trần Thị Ngọc A, bà Lê Thị Y, cháu Phan Công C và cháu Phan Thị Bích N1 (do bà Lê Thị Y là người đại diện theo pháp luật) phải chịu 17.750.000 đồng (Mười bảy triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, trong phạm vi di sản do ông Phan Công Đ để lại.

Ông Phạm Hùng T là người cao tuổi, có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, thuộc trường hợp được miễn án phí nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt, niêm yết hợp lệ.

*Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 4 – Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án (nếu có);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Vũ Đình Nam**